

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 813/2024/DS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024
Về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Hai
- Bà Lê Thị Thanh Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1089/2023/TLST-DS ngày 27/11/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-DS ngày 24/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-DS ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức H, sinh năm 1989

(Theo Giấy ủy quyền số 66d/2023/UQ-LVS ngày 08/5/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

- **Bị đơn:** Bà Jamyla Trương Phước Thùy L, sinh năm 1994

Địa chỉ: F Đ, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông H có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Lê Đức H trình bày như sau:

Ngày 02/11/2021, bà Jamyla Trương Phước Thùy L ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 110.533.884 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 03/10/2022, bà L thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn cho Ngân hàng.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 19/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23, Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 07/5/2023, bà L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 109.477.761 đồng, lãi quá hạn 16.575.164 đồng, tổng cộng là 126.052.925 đồng.

Đến ngày 08/5/2023, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Jamyla Trương Phước Thùy L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 07/5/2023 là 126.052.925 đồng, trong đó: Nợ gốc là 109.477.761 đồng; lãi quá hạn là 16.575.164 đồng. Đồng thời, bà L còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08/5/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021. Buộc bà Jamyla Trương Phước Thùy L phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh có liên quan.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Đức H yêu cầu bà Jamyla Trương Phước Thùy L phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/8/2024 là 188.957.031 đồng (trong đó: Nợ gốc là 109.477.761 đồng, lãi quá hạn 79.479.270 đồng). Đồng thời, bà L còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 13/8/2024 đến khi

trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021 đã ký kết giữa các bên.

Bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, Thông báo tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà **Jamyla Trương Phước Thùy L**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021 đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại **quận P, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo các quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa nhưng bị đơn bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** vắng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà **L** theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021 đã ký kết giữa bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** và **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**, Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**, các chứng từ theo dõi nợ do Ngân hàng nộp cho Tòa án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/11/2021, bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **L** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 110.533.884 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 03/10/2022, bà **L** thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn cho Ngân hàng. Do bà **L** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 19/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/8/2024, bà **L** còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 109.477.761 đồng, lãi quá hạn 79.479.270 đồng, tổng cộng là 188.957.031 đồng.

Xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021 đã ký kết giữa bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** và **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành giữa các bên. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà **L** đã không trả nợ gốc và tiền lãi đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021 và Điều 23, Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**. Nay **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** yêu cầu bà **L** trả ngay tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2024 là

188.957.031 đồng (trong đó: Nợ gốc 109.477.761 đồng, lãi quá hạn 79.479.270 đồng); đồng thời, bà **L** còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 13/8/2024 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/11/2021 đã ký kết giữa các bên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ nhận định nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp thuận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 3.151.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng).

Bị đơn là bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là 9.447.852 đồng (Chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi hai đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 147; Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí Tòa án năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**.

Bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 188.957.031 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn không trăm ba mươi một đồng), trong đó bao gồm các khoản sau:

Số tiền gốc: 109.477.761 đồng (Một trăm linh chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng).

Tiền lãi quá hạn: 79.479.270 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2021 đã ký kết giữa các bên.

2. Về án phí:

2.1. Bà **Jamyla Trương Phước Thùy L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.447.852 đồng (Chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi hai đồng).

2.2. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.151.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng) cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0022541 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Lê Ninh